

Số: /QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1397+500 - Km1399+200 (T,P), Km1399+200 - Km1399+900 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (T,P), Km1445+700 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ các Luật: Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 836/BCTĐ-QLBT ngày 31/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì. Xét đề nghị của Khu Quản lý đường bộ III tại Tờ trình số 154/TTr-KQLĐBIII ngày 20/10/2025 về việc trình thẩm định, phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1397+500 - Km1398+00 (P), Km1398+300 - Km1399+00 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (P), Km1398+00 - Km1399+200 (T), Km1400+00 - Km1401+00 (T), Km1445+700 - Km1446+600 (P), Km1445+900 - Km1447+685 (T), Km1447+685 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa do Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng giao thông Đức Nhật lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1397+500 - Km1399+200 (T,P), Km1399+200 - Km1399+900 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (T,P), Km1445+700 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

- Tên dự án theo Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1397+500 - Km1398+00 (P), Km1398+300 - Km1399+00 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (P), Km1398+00 - Km1399+200 (T), Km1400+00 - Km1401+00 (T), Km1445+700 - Km1446+600 (P), Km1445+900 - Km1447+685 (T), Km1447+685 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa.

- Tên dự án điều chỉnh: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1397+500 - Km1399+200 (T,P), Km1399+200 - Km1399+900 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (T,P), Km1445+700 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa.

2. Địa điểm xây dựng: Tại các đoạn Km1397+500 - Km1399+200 (T,P), Km1399+200 - Km1399+900 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (T,P), Km1445+700 - Km1448+200 (T,P) Quốc lộ 1, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng giao thông Đức Nhật; Chủ nhiệm lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Lê Văn Bình.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình giao thông đường bộ (cầu, đường, ATGT...), nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của đường Quốc lộ 1 hiện tại (Công trình cấp II).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu dự án: Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường; sửa chữa, tăng cường hệ thống an toàn giao thông nhằm đảm bảo ổn định công trình, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường, nâng cao ATGT và kéo dài tuổi thọ công trình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu:

8.1. Quy mô, phạm vi:

Các đoạn tuyến Km1397+500 - Km1399+200 (T,P), Km1399+200 -

Km1399+900 (P), Km1399+900 - Km1401+00 (T,P), Km1445+700 - Km1448+200 (T,P), có bề rộng nền đường $B_{nền}=20,5m$; mặt đường bê tông nhựa $B_{mđ}=19,5m$ (chiều dày trung bình khoảng 13cm), được đầu tư đưa vào khai thác sử dụng từ năm 2015, hiện đã hư hỏng trên diện rộng tiến hành sửa chữa nền, mặt đường, bổ sung và hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông.

8.2. Giải pháp sửa chữa chủ yếu:

8.2.1 Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường:

a) Phần mặt đường làn xe cơ giới:

- Đối với các đoạn bị hư hỏng dạng rạn nứt mai rùa (mức độ H chủ yếu), hằn lún vệt bánh xe (mức độ H chủ yếu) trên diện rộng: Cào bóc mặt đường dày trung bình 21cm; hoàn trả lại một lớp bê tông nhựa đã cào bóc dày trung bình 7cm; sau đó cào bóc tái sinh nguội tại chỗ bằng xi măng 4% chiều dày 20cm; vệ sinh bề mặt lớp tái chế; láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn $2,7\text{ kg/m}^2$; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn $0,5\text{ lít/m}^2$, thảm BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa) và tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn $0,3\text{ lít/m}^2$, thảm BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa); cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp cao độ mặt đường hiện hữu. Diện tích khoảng 56.742 m^2 .

- Đối với các đoạn mặt đường bị hư hỏng dạng sinh lún: cào bóc lớp mặt đường dày trung bình 13cm, đào bỏ phần móng đường hư hỏng phía dưới chiều sâu dự kiến khoảng 33cm; bổ sung lớp cấp phối đá dăm loại I dày trung bình 12cm lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$; rải một lớp cấp phối đá dăm loại I dày 13cm và 7cm BTN đã cào bóc; sau đó cào bóc tái sinh nguội tại chỗ bằng xi măng 4% chiều dày 20cm; vệ sinh bề mặt lớp tái chế; láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn $2,7\text{ kg/m}^2$; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn $0,5\text{ lít/m}^2$; thảm lớp BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa); tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn $0,3\text{ lít/m}^2$; thảm 01 lớp BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa). Cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp với cao độ mặt đường hiện hữu, diện tích khoảng 1.438 m^2 .

- Đối với các đoạn bị hư hỏng dạng nứt mai rùa (mức độ M chủ yếu), hằn lún vệt bánh xe (mức độ M chủ yếu) trên diện rộng: Cào bóc mặt đường BTN hiện hữu dày trung bình 13cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 1 lít/m^2 , thảm BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa); tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn $0,3\text{ lít/m}^2$, thảm BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa); cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp cao độ mặt đường hiện hữu. Diện tích khoảng 18.006 m^2 .

- Đối với các đoạn bị hư hỏng dạng nứt mai rùa (mức độ L), hằn lún vệt bánh xe (mức độ L) trên diện rộng: Cào bóc mặt đường BTN hiện hữu dày trung bình 6cm; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn $0,5\text{ lít/m}^2$, thảm BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa); cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp cao độ mặt đường hiện hữu. Diện tích khoảng 4.802 m^2 .

b) Phần mặt đường làn xe thô sơ:

- Đối với các đoạn bị hư hỏng cục bộ dạng rạn nứt mai rùa (mức độ L, M), bong tróc mặt đường: Cào bóc lớp mặt đường cũ hư hỏng cục bộ dày trung bình 6cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn $0,5\text{ lít/m}^2$ và hoàn trả lớp BTNC 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bám đá nhựa). Cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp với cao độ mặt đường hiện hữu, diện tích khoảng 372 m^2 .

- Riêng đối với đoạn Km1445+700 - Km1445+911 hần lún vệt bánh xe (mức độ H) trên diện rộng: Cào bóc mặt đường BTN hiện hữu dày trung bình 13cm; tưới thấm bảm bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 1 lít/m², thảm BTNC 19 dày 7cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bảm đá nhựa) và tưới dính bảm bằng nhũ tương nhựa đường a xít tiêu chuẩn 0,3 lít/m², thảm BTNCP 16 dày 6cm (có sử dụng phụ gia tăng độ dính bảm đá nhựa); cao độ mặt đường sau sửa chữa phù hợp cao độ mặt đường hiện hữu. Diện tích khoảng 380 m².

c) Sửa chữa hệ thống thoát nước và lề đường:

- Sửa chữa hệ thống thoát nước: Hoàn trả rãnh thoát nước dọc bị hư hỏng bằng BTXM 16MPa thân và đáy rãnh đổ tại chỗ dày 10cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; L=124m.

- Sửa chữa lề đường: Hoàn trả lề đường từ mép đường đến mép rãnh bằng bê tông 20MPa dày 20cm trên lớp cấp phối đá dăm loại II gia cố xi măng dày 15cm. Diện tích khoảng 106 m².

8.2.2. Sửa chữa hệ thống an toàn giao thông:

- Hệ thống biển báo hiệu: Tận dụng lại hệ thống biển báo hiệu đường bộ cũ còn phù hợp hoặc biển báo có biểu tượng, ký hiệu, kích thước, màu sắc, đường viền chưa hoàn toàn phù hợp nhưng không gây hiểu nhầm, hiểu sai khác về ý nghĩa sử dụng so với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

- Sơn kẻ vạch tín hiệu mặt đường: Sơn hoàn thiện vạch kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

- Lắp đặt hệ thống mắt phản quang;

- Lắp đặt lưới chống chói qua các đoạn cong khuất tầm nhìn;

- Bổ sung gờ chắn bánh bằng bê tông 16MPa.

8.3. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo nhà thầu thực hiện đảm bảo ATGT và môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế được duyệt).

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- TCVN 13567-2:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme;

- TCVN 13150-1 Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu - Phần 1: Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường;

- TCVN 14182:2024: Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9505:2012: Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 14:2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 70.373.642.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi

tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	62.369.113.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	1.276.834.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.675.480.000	đồng
+ Chi phí khác:	701.089.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	3.351.126.000	đồng

(Chi tiết phụ lục số 1 kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026 (theo kế hoạch chi được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách nhà nước);
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo Kế hoạch giao dự toán chi của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án chuyên ngành thực hiện quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Dự án được duyệt không bao gồm hạng mục giải phóng mặt bằng, thu hồi đất hay tái định cư.

15. Các nội dung khác thuộc trách nhiệm Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 836/BCTĐ-QLBT ngày 31/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì để hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

- Trước khi triển khai thi công, yêu cầu đơn vị thi công thí nghiệm thành phần hỗn hợp tái chế, đặc biệt hỗn hợp tái chế giữa bê tông nhựa cũ và cốt liệu bổ sung, nhằm bảo đảm bảo tương đồng về cấp phối và cường độ của hỗn hợp tái chế.

- Chấp thuận biện pháp tổ chức thi công chi tiết theo phương án tổ chức thi công do nhà thầu lập và Tư vấn giám sát trình trước khi thực hiện thi công. Trong quá trình thực hiện lưu ý: chấp thuận cấp phối bê tông nhựa các loại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước lúc triển khai thi công.

- Chỉ đạo Nhà thầu tổ chức đảm bảo ATGT, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành. Yêu cầu nhà thầu thi công các hạng mục phải đáp ứng đầy đủ các thiết bị thi công theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trong các bước tiếp theo, Khu Quản lý đường bộ III và các đơn vị liên quan thực hiện, cụ thể các nội dung sau:

1. Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tác giả, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

2. Trên cơ sở Quyết định này, Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách

hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Điều 3. Giám đốc Khu Quản lý đường bộ III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (báo cáo);
- Kho Bạc Nhà nước khu vực;
- Lưu VT, QLBT (T.Q.Thành_03b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Thắng

